

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên nhanh theo triều, mực nước cao nhất ngày 02/02 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-20cm. Mực nước thấp nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-35cm và thấp hơn TBNN từ 05-35cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên nhanh theo triều và nước dâng, mực nước cao nhất ngày 02/02 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm, cao hơn TBNN từ 20-40cm. Mực nước thấp nhất hầu hết ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-15cm và thấp hơn TBNN từ 10-30cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch biến đổi chậm; mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 02/02 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-10cm.

- Khu vực cửa sông: Do ảnh hưởng triều cường và nước dâng nên mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên nhanh, đỉnh triều cao nhất ngày 02/02 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 72cm, lên 09cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên chậm theo triều và đạt đỉnh trong ngày 03-04/02, sau xuống chậm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm theo triều và đạt đỉnh trong ngày 03-04/02, sau xuống chậm.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngay trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô tiếp tục lên chậm trong 1-2 ngày đầu do ảnh hưởng nước dâng, sau đó xuống chậm theo xu thế triều biến Tây trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: mặn trên các sông kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 04/02/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 02/02						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			03/2	04/2	05/2	06/2	07/2	03/2	04/2	05/2	06/2	07/2
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2025	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	19	31	-21	173	25	40	185	182	170	162	155	25	27	29	34	31
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	-6	21	-15	177	21	48	191	192	182	174	166	-1	1	4	8	2
Hậu	Khánh An	420	470	520	74	33	4	157	28	22	165	163	161	159	157	80	84	86	86	82
	Châu Đốc	300	350	400	8	20	-24	184	19	31	196	193	183	175	166	13	15	17	22	19
	Long Xuyên	190	220	250	-5	18	0	191	19	60	206	207	193	185	176	1	3	6	13	8
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	-3	21	-20	181	22	48	195	196	186	178	170	3	5	8	16	11
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	23	11	-7	56	13	4	60	62	63	62	60	29	33	34	32	30
	Vĩnh Gia	200	240	280	30	7	-1	35	5	0	38	41	43	42	41	34	37	38	37	35
	Vĩnh Điều	170	200	230	40	8	0	44	5	-3	47	50	52	51	50	44	47	48	47	45
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	39	5	1	44	3	-1	47	50	52	51	50	43	46	47	46	44
T5	Nông Trường	160	190	220	47	4	4	52	3	1	55	58	60	59	58	51	54	55	54	52
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	32	12	3	69	19	16	71	73	71	69	66	36	39	40	39	37
	Cô Tô	140	180	220	56	13	16	77	16	27	80	83	85	84	83	60	63	64	63	61
	Nam Thái Sơn	90	120	150	49	4	-	58	3	-	61	64	66	65	64	53	56	57	56	54
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	27	7	3	36	5	7	39	42	44	43	42	31	34	35	34	32
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	70	12	20	91	14	25	97	101	100	97	93	75	78	79	77	74
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	75	21	18	133	26	40	135	137	135	133	130	77	79	80	79	77
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	60	10	4	90	13	15	96	100	99	96	92	65	68	69	67	64
	Tân Thành	120	150	180	56	7	9	72	10	10	74	76	74	72	69	58	59	60	58	56
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	41	3	7	54	7	6	56	58	58	56	54	43	44	42	40	37
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	10	-5	14	34	-1	-6	35	36	36	35	34	8	6	7	8	9
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-23	-4	0	72	10	22	81	82	77	72	66	-25	-27	-24	-20	-15

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





